

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10- 5- 2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Huy Bắc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Anh Tuấn

2. Bà Đàm Thị Thanh Mai

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:*** Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967- Có mặt**

ĐKKHKT: Xóm TT (nay là xóm TT1), xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN.

Nơi ở hiện tại: Xóm QT, xã TP, TX. PY, tỉnh TN.

**2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1966 – Vắng mặt**

Nơi cư trú: Xóm TT (nay là xóm TT1), xã HB, huyện HB, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị O kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, TX. PY, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Xóm TT (nay là xóm TT1), xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, sau đó do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra

cải vã. Từ năm 2014 đến nay, ông đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm QT, xã TP, TX. PY, tỉnh TN sinh sống, vợ chồng sống ly thân 6 năm không quan tâm gì tới nhau nhau nữa.

Nay, ông xác định cuộc hôn nhân giữa ông và bà O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà O.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/4/1989; Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/5/1991; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/5/1994; Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/01/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/01/2000. Hiện cả 05 con đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 11/03/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị O có lời khai phù hợp với ông Nguyễn Văn Q về thời điểm đăng ký kết hôn, nơi chung sống sau kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân, con chung, tài sản chung, công nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bà xác định là do ông Q có tính lẳng nhăng không chung thủy, bà đã tha thứ và cố gắng hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng ông Q vẫn không thay đổi.

Nay, bà xác định tình cảm với ông Q không còn, nhưng bà muốn các con có bố và ông Q phải có trách nhiệm với các con nên bà không đồng ý ly hôn. Nếu ông Q kiên quyết ly hôn với bà thì tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3]. Tại biên bản hòa giải ngày 01/04/2021, bà O giữ nguyên quan điểm như trong biên bản lấy lời khai của Tòa án.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú về tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà O. Kết quả xác định: Sau khi kết hôn, ông Q và bà O sống tại xóm TT (nay là xóm TT1), xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN. Hiện nay, ông Q đã về thị xã PY, tỉnh TN sinh sống, những năm gần đây không thấy về nhà, vợ chồng ông Q bà O không chung sống cùng nhau đã 06 năm. Từ khoảng 02 năm nay, bà O cũng đi làm bảo vệ dưới Bắc Giang, rất ít khi về nhà.

[5]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 174, 175, 177, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn Q, cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị O.

+ Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q với bị đơn bà Nguyễn Thị O, cùng có hộ khẩu tại: xóm TT (nay là xóm TT1), xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cung cấp đầy đủ lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên hai bên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, do đó vụ án phải đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị O vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị O.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

+ *Quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị O kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, thị xã PY, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm TT (nay là xóm TT1), xã HB, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2014 đến nay, ông Q đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn liên lạc hay quan tâm gì tới nhau nữa.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Q là có cơ sở chấp nhận, cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị O là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/4/1989; Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/5/1991; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 07/5/1994; Nguyễn Văn C, sinh ngày 13/01/2000 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/01/2000. Hiện cả 05 con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), không bị mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về công nợ chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3]. Về án phí**: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Văn Q, cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị O.

**2. Về con chung**: Không xem xét, giải quyết.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung**: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

**4. Án phí**: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006609 ngày 02/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt ông Nguyễn Văn Q, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị O vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã HB, huyện ĐH;
- UBND xã TP, TX PY;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Huy Bắc**